

Bản tin Phân tích kỹ thuật

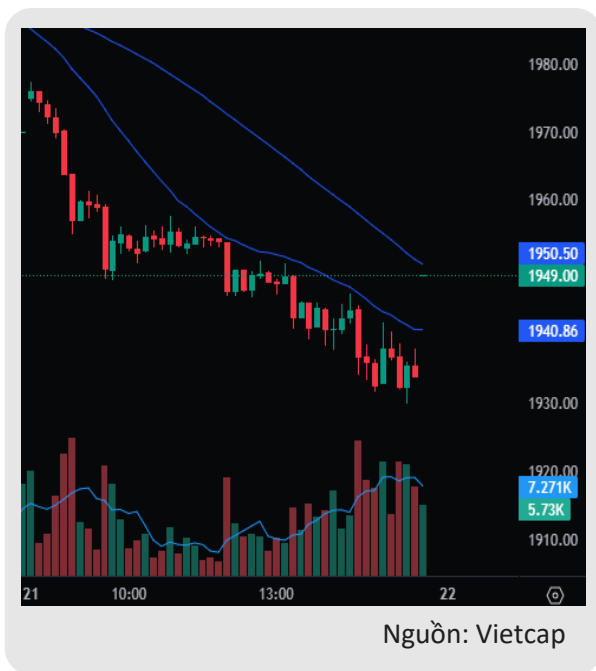
21/09/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 41I1GA000 hồi phục mạnh từ khu vực 1.930 điểm. Tuy nhiên, hợp đồng chưa vượt kháng cự 1.950 điểm để vô hiệu tín hiệu giảm. Dự báo sẽ xuất hiện nhịp điều chỉnh từ khu vực này. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh 1.950 điểm và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.955 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.950 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.941 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.955 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Tích cực
VN30	Trung tính	Tích cực
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Trung tính



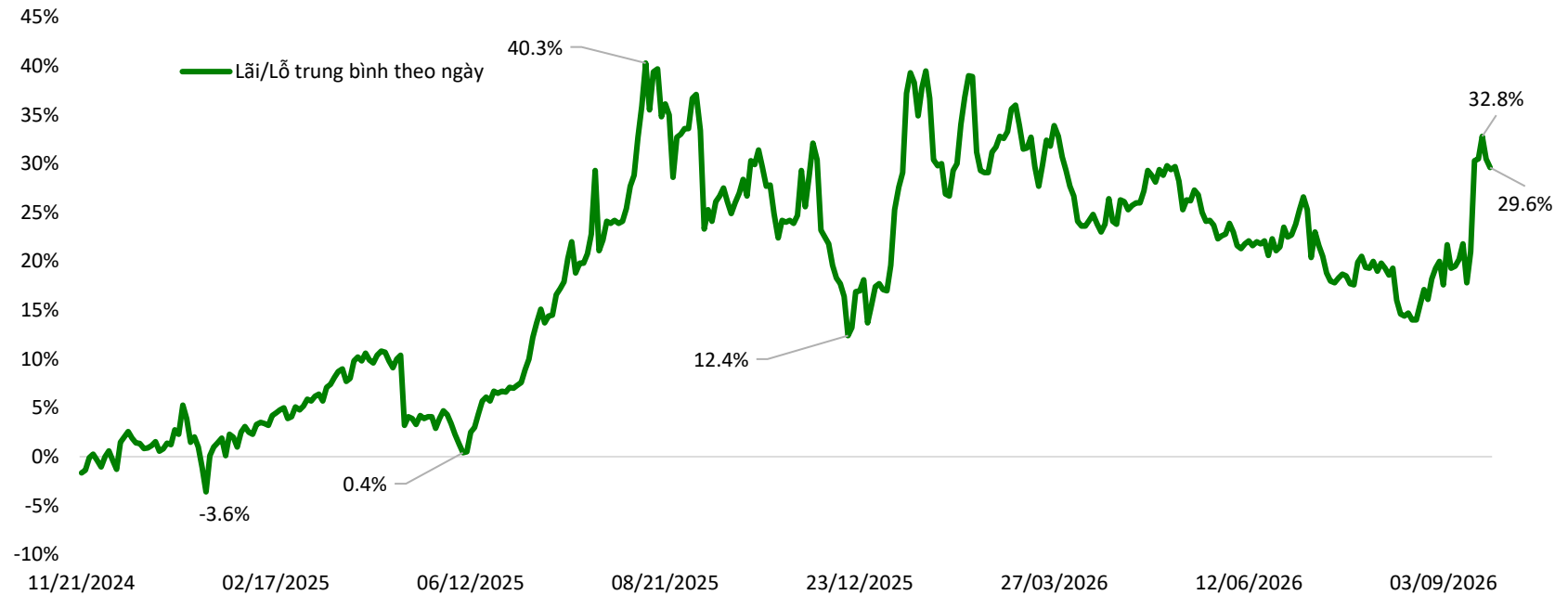
Nguồn: Vietcap

- VN-Index giảm điểm với độ rộng thị trường tiêu cực, ghi nhận 205 mã giảm so với 105 mã tăng. So với phiên 18/09, áp lực bán có phần hạ nhiệt trên phần lớn nhóm ngành, thể hiện qua thanh khoản thấp. Tuy nhiên, lực mua giá thấp vẫn tương đối mờ nhạt trên sàn HOSE.
- Về mặt kỹ thuật, hai phiên điều chỉnh gần đây khiến VN-Index vận động dưới MA20, quanh 1.810 điểm, cho thấy đà điều chỉnh vẫn chiếm ưu thế và khu vực này sẽ đóng vai trò kháng cự trong phiên 22/09. Hỗ trợ quan trọng nằm tại vùng 1.775–1.790 điểm.
- Đánh giá tổng quan, VN-Index nhiều khả năng sẽ dao động trong biên độ 1.775–1.810 điểm trong một vài phiên tới. Việc vượt 1.810 điểm hoặc vi phạm 1.775 điểm sẽ xác nhận hướng đi tiếp theo của chỉ số. Với dữ liệu hiện tại, xác suất hai kịch bản tương đối cân bằng, do đó tỷ trọng cổ phiếu nên duy trì ở mức thấp/thăm dò.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
GAS	24/08/2026		Đang mở	88,600	82,000	8.0%	78,500	98,000	85,000	
SSI	24/08/2026		Đang mở	20,900	21,100	-0.9%	19,300	23,000		
STB	27/08/2026		Đang mở	76,700	74,000	3.6%	73,000	82,000	74,000	
VPB	27/08/2026		Đang mở	28,450	26,700	6.6%	25,900	28,500	26,700	
VCB	08/09/2026		Đang mở	58,900	57,900	1.7%	57,000	60,900	58,800	
ACB	08/09/2026		Đang mở	22,400	22,200	0.9%	21,800	23,750		
VIC	15/09/2026		Đang mở	235,000	241,000	-2.5%	227,000	269,000		
DGW	15/09/2026		Đang mở	45,000	45,400	-0.9%	42,800	56,000		
PVS	18/09/2026		Đang mở	33,300	33,000	0.9%	30,800	39,500		
MBB	18/09/2026		Đang mở	20,200	20,400	-1.0%	20,100	21,800	19,600	
MCH	18/09/2026		Đang mở	143,000	144,000	-0.7%	140,000	156,000		
MSN	18/09/2026		Đang mở	67,700	68,200	-0.7%	65,800	73,000		

Bảng theo dõi những vị thế đang mở



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	235,000	-2.57%	-2.65%	1,824,114	-10.877	2,752	10.7	85.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VHM	68,100	-4.08%	-5.02%	559,430	-5.301	9,730	2.1	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	28,450	3.64%	4.60%	225,720	1.907	3,758	1.3	7.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	58,900	-1.67%	0.68%	492,149	-1.906	4,984	2.0	11.8	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VJC	138,000	6.98%	12.29%	106,135	1.718	2,830	4.0	48.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BSR	31,550	4.47%	10.70%	157,980	1.638	3,974	2.1	7.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	31,000	2.48%	3.85%	240,775	1.385	5,172	1.2	6.0	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
LPB	46,100	-3.96%	0.22%	137,714	-1.265	3,780	3.2	12.2	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	22,450	-6.85%	14.83%	77,875	-1.237	870	1.9	25.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	32,250	2.06%	1.26%	228,531	1.090	3,829	1.3	8.4	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
HPG	21,100	-2.09%	0.96%	178,147	-0.863	2,750	1.3	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	36,200	1.26%	1.26%	281,572	0.822	4,250	1.5	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MBB	20,200	1.51%	2.54%	203,389	0.711	3,215	1.4	6.3	Trung tính	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính
ACB	22,400	2.28%	1.59%	130,019	0.689	2,701	1.3	8.3	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
STB	76,700	-1.92%	0.39%	144,596	-0.643	1,634	2.3	47.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	110,200	9.98%	7.83%	33,060	1.141	11,734	5.0	9.4	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	13,300	3.91%	16.67%	38,898	0.525	138	2.7	96.7	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
THD	122,900	-1.84%	-4.88%	47,316	-0.301	395	9.4	310.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	33,200	3.11%	8.14%	13,859	0.149	5,201	2.1	6.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MBS	16,700	-1.76%	1.83%	16,716	-0.102	1,828	1.4	9.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	14,100	-2.08%	0.71%	12,682	-0.091	1,119	1.0	12.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DTK	10,300	-3.74%	-1.90%	7,033	-0.091	1,245	0.8	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	12,800	-1.54%	0.79%	13,674	-0.073	525	1.2	24.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PVI	64,800	-0.92%	0.31%	16,697	-0.053	5,142	1.8	12.6	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BAB	10,900	-0.91%	0.93%	12,563	-0.039	1,044	0.9	10.4	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực

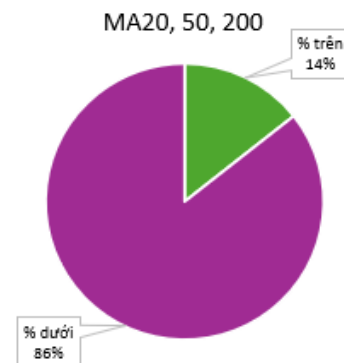
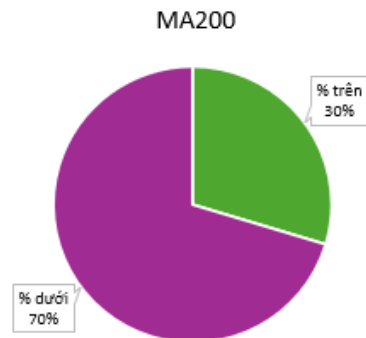
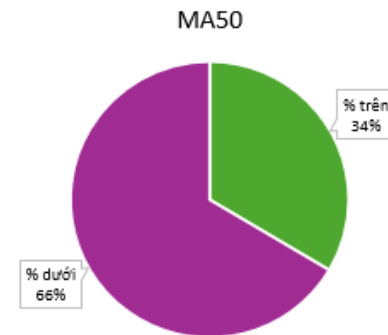
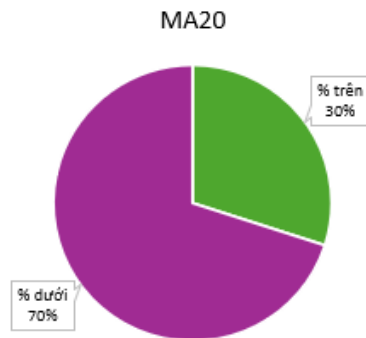
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MSR	51,900	9.73%	9.74%	55,706	0.144	2,208	3.9	22.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VGI	79,800	-0.75%	0.04%	243,855	-0.049	4,047	6.4	19.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
MVN	58,900	-1.34%	-4.23%	70,842	-0.025	2,341	4.6	25.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
FOX	61,300	0.99%	0.66%	45,079	0.012	4,936	3.5	12.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEF	78,300	-3.33%	0.64%	13,118	-0.012	4,159	1.8	18.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TID	20,900	10.00%	10.00%	4,080	0.011	1,117	1.3	18.3	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
SNZ	23,800	-4.42%	0.42%	8,961	-0.011	2,458	1.2	9.7	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
ACV	39,700	-0.25%	1.79%	142,251	-0.010	3,104	1.9	12.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HTM	11,400	14.00%	4.59%	2,503	0.009	-150	1.2	-76.0	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
F88	59,000	-2.16%	-1.17%	13,747	-0.008	4,365	4.6	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
APH	7,390	6.9%	11.1	2.7	5,310	7,340	0.7	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHP	17,400	1.2%	29.2	20.6	8,366	17,200	1.6	32.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HII	11,300	6.6%	5.8	7.2	4,330	10,950	0.8	3.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ASP	16,100	6.3%	10.0	2.6	4,370	15,500	1.4	4.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCG	14,300	-0.7%	16.4	32.6	14,350	25,411	0.9	2.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	27,950	-7.0%	10.0	8.8	30,050	42,150	2.6	220.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	28,950	-2.9%	5.2	3.1	29,450	44,437	0.8	5.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	16,000	-1.2%	12.6	14.2	16,200	28,794	0.8	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TMB	44,800	-5.7%	6.2	0.2	46,900	59,363	0.8	7.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			21/09/2026	18/09/2026	17/09/2026	16/09/2026	15/09/2026	14/09/2026	11/09/2026	10/09/2026
VNINDEX	MA200	Trên	25%	25%	25%	25%	26%	25%	23%	26%
		Dưới	75%	75%	75%	75%	74%	75%	77%	74%
	MA50	Trên	36%	38%	34%	33%	32%	29%	31%	35%
		Dưới	64%	62%	66%	67%	68%	71%	69%	65%
	MA20	Trên	29%	34%	30%	28%	28%	24%	25%	32%
		Dưới	71%	66%	70%	72%	72%	76%	75%	68%
VN30	MA200	Trên	37%	37%	43%	37%	37%	37%	30%	43%
		Dưới	63%	63%	57%	63%	63%	63%	70%	57%
	MA50	Trên	63%	63%	77%	60%	57%	47%	50%	70%
		Dưới	37%	37%	23%	40%	43%	53%	50%	30%
	MA20	Trên	45%	50%	73%	47%	50%	33%	33%	67%
		Dưới	55%	50%	27%	53%	50%	67%	67%	33%
HNX	MA200	Trên	29%	29%	26%	27%	27%	28%	26%	28%
		Dưới	71%	71%	74%	73%	73%	72%	74%	72%
	MA50	Trên	36%	37%	35%	33%	31%	28%	29%	33%
		Dưới	64%	63%	65%	67%	69%	72%	71%	67%
	MA20	Trên	29%	29%	26%	27%	27%	28%	26%	28%
		Dưới	71%	71%	74%	73%	73%	72%	74%	72%
UPCOM	MA200	Trên	28%	28%	27%	26%	26%	25%	27%	27%
		Dưới	72%	72%	73%	74%	74%	75%	73%	73%
	MA50	Trên	32%	33%	31%	31%	32%	31%	32%	33%
		Dưới	68%	67%	69%	69%	68%	69%	68%	67%
	MA20	Trên	32%	31%	31%	30%	30%	30%	31%	31%
		Dưới	68%	69%	69%	70%	70%	70%	69%	69%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	14	Tháng 9												Tháng 8								
		21 ↓	18	17	16	15	14	11	10	09	08	07	04	03	28	27	26	25	24	21	20	
📈	1	Dầu khí	78	76	79	82	80	68	57	58	58	56	52	63	61	57	58	59	58	59	49	41
	2	Bán lẻ	57	61	57	55	55	55	60	66	61	61	61	63	68	81	82	81	80	81	78	74
📉	3	Hóa chất	56	57	59	59	57	52	55	60	62	60	59	59	60	57	58	59	56	56	52	44
	4	Ngân hàng	51	50	54	52	49	44	44	50	49	50	51	54	52	60	56	54	54	56	52	43
📈	5	Hàng & Dịch vụ Cón...	50	54	53	52	50	48	50	52	51	52	55	61	61	66	66	65	65	65	62	56
📈	6	Tài nguyên Cơ bản	48	49	49	47	49	48	50	51	54	54	53	56	59	66	67	68	68	68	67	64
	7	Du lịch và Giải trí	46	45	44	38	35	33	35	35	36	39	35	30	31	44	45	44	40	43	37	36
	8	Điện, nước & xăng d...	43	46	40	36	35	34	33	34	38	34	38	39	47	52	52	55	56	58	57	55
📈	9	Thực phẩm và đồ uố...	43	45	44	44	44	44	45	48	49	50	53	53	53	57	58	58	58	57	54	50
📈	10	Ô tô và phụ tùng	37	44	42	42	46	45	47	53	54	54	53	54	52	55	54	55	57	55	53	49
📈	11	Hàng cá nhân & Gia ...	34	38	35	33	36	34	37	40	46	49	51	54	48	53	53	54	53	49	49	42
📈	12	Bất động sản	32	37	36	34	35	36	37	44	45	47	52	52	53	56	57	55	52	50	42	28
📈	13	Dịch vụ tài chính	28	36	32	27	30	28	30	41	41	44	46	50	51	60	58	57	56	53	51	30
	14	Xây dựng và Vật liệu	27	31	30	30	30	27	32	36	37	37	40	40	43	50	51	51	50	51	49	42

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPB	28,450	3.6%	4.6%	225,720	1.3	7.6	3,758	932.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	31,550	4.5%	10.7%	157,980	2.1	7.9	3,974	446.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	138,000	7.0%	12.3%	106,135	4.0	48.8	2,830	242.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DMX	77,000	1.3%	10.0%	97,615	5.5	15.0	5,141	25.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	51,900	9.7%	9.7%	55,706	3.9	22.8	2,208	202.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BVH	70,500	2.9%	3.7%	52,334	2.0	15.8	4,472	71.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	36,900	-0.3%	3.1%	49,042	2.1	6.3	5,818	15.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	13,300	3.9%	16.7%	38,898	2.7	96.7	138	22.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ABB	17,900	0.0%	3.5%	28,604	1.3	6.1	2,911	11.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	23,050	1.1%	1.5%	11,915	1.3	8.4	2,761	150.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	38,800	-0.3%	5.1%	6,004	2.4	19.0	2,047	7.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TLG	54,300	0.0%	4.6%	5,241	2.1	11.4	4,776	11.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAA	7,710	6.2%	4.3%	3,036	0.5	5.6	1,390	48.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAS	9,200	0.0%	7.0%	2,127	0.8	16.9	548	10.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
APH	7,390	6.9%	10.3%	1,802	0.7	7.5	987	11.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHP	17,400	1.2%	2.4%	1,604	1.6	32.2	541	29.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DRI	14,900	0.7%	4.9%	1,079	1.4	4.9	3,030	15.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HII	11,300	6.6%	3.2%	832	0.8	3.5	3,190	5.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ASP	16,100	6.3%	5.9%	601	1.4	4.7	3,449	10.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HID	5,730	1.4%	23.8%	440	0.6	-23.8	-241	10.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KBC	26,000	0.0%	-1.9%	24,486	1.0	21.4	1,218	34.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	14,300	-0.7%	-0.7%	9,984	0.9	2.4	5,869	16.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	27,950	-7.0%	-16.1%	6,051	2.6	220.5	127	10.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHV	9,340	-0.7%	0.4%	5,366	0.5	8.0	1,164	12.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	28,950	-2.9%	-3.5%	2,907	0.8	5.0	5,852	5.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	16,000	-1.2%	-3.0%	1,882	0.8	8.6	1,872	12.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HQC	1,910	-0.5%	0.0%	1,197	0.2	15.3	125	5.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TMB	44,800	-5.7%	-5.7%	672	0.8	7.7	5,793	6.2	Tiêu cực	-9.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VGI	79,800	-0.7%	0.0%	243,855	6.4	19.8	4,047	11.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
HPG	21,100	-2.1%	1.0%	178,147	1.3	7.7	2,750	336.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	71,700	-1.1%	2.7%	105,807	3.0	10.8	6,663	161.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
TCX	31,000	-1.6%	-2.6%	103,210	2.3	16.7	1,858	59.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	11,600	-1.7%	1.8%	61,987	0.8	4.6	2,549	549.8	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	43,850	-1.0%	-2.0%	56,240	2.9	11.8	3,723	26.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	24,750	-2.9%	-3.9%	56,240	1.1	7.8	3,191	177.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
BCM	39,800	-1.1%	2.1%	41,193	1.9	21.2	1,881	16.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TPB	14,000	-0.7%	0.0%	38,837	0.9	5.1	2,732	87.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
POW	12,550	-0.4%	1.2%	38,501	0.9	6.1	2,049	40.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIX	12,800	-2.7%	1.6%	32,932	1.0	6.0	2,153	351.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	14,700	-3.3%	0.7%	22,378	1.0	8.3	1,773	148.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	7,800	1.56%	0.13%	16,000	105.1%	(354)	0.7	-22.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	15,850	0.32%	0.96%	31,700	100.0%	1,567	1.0	10.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	71,700	-1.10%	2.72%	140,000	95.3%	6,663	3.0	10.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
HDC	11,450	0.00%	1.78%	21,400	86.9%	2,909	0.9	3.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	28,950	-2.85%	-3.50%	52,000	79.6%	5,852	0.8	5.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	16,000	-0.62%	2.56%	28,700	79.4%	2,298	0.9	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	23,650	-3.07%	6.05%	40,500	71.2%	1,049	1.6	22.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	19,000	-1.04%	2.15%	31,900	67.9%	1,850	1.1	10.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VGC	39,850	-1.60%	4.05%	66,800	67.6%	3,174	2.1	12.6	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,850	-0.72%	3.75%	23,100	66.8%	1,976	0.7	7.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
F88	59,000	-2.16%	-1.17%	98,000	66.1%	4,365	4.6	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	31,000	2.48%	3.85%	48,800	57.4%	5,172	1.2	6.0	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
HPG	21,100	-2.09%	0.96%	32,700	55.0%	2,750	1.3	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	33,200	3.11%	8.14%	51,200	54.2%	5,201	2.1	6.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NLG	24,100	0.00%	1.47%	36,800	52.7%	1,407	0.9	17.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	67,700	-1.02%	1.65%	101,200	49.5%	4,631	2.5	14.6	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	48,250	-1.73%	-0.82%	71,800	48.8%	2,199	4.2	21.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	35,350	-1.67%	-5.48%	52,100	47.4%	5,603	0.9	6.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	33,300	0.00%	2.15%	49,000	47.1%	3,432	1.3	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVL	12,650	-1.17%	5.86%	18,600	47.0%	1,849	0.6	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn